

10과



天气



tiānqì

10과



冷

lěng

10과



下午



xiàwǔ

10과



会



huì

10과



下



xià

10과



雪

xuě

10과



那



nà

10과



晴

qíng



10과



热



rè

10과



雨



yǔ

10과



刮

guā

10과



风



fēng

10과



舒服



shūfu

10과



头疼



tóuténg

10과



发烧



fāshāo

10과



得

děi





医院



yīyùàn

10과



小心



xǎoxīn

10과



感冒



gǎnmào

10과



肚子

dùzi

10과



疼



téng

10과



牙



yá



嗓子

sǎngzi

10과



休息

xiēxi